

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 24/6/2024

“V/v *Tranh chấp Hôn nhân
& gia đình*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lưu Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2024/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con chung*”;

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2023/HNGĐ - ST ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2024/QĐ-PT ngày 30/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: số A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

- Bị đơn: Nguyễn Văn B, sinh năm 1993;

HKTT: Tổ 7, ấp Hưng Lợi, xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;

Chỗ ở: số 12, ấp An Hưng, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa;

** Người kháng cáo: Nguyễn Văn B là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn B quen biết, tìm hiểu nhau vào năm 2021; đến năm 2022 thì kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2022.

Sau khi kết hôn chị N, anh B ở trọ tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó thì anh B về quê chị N ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để thuê nhà ở và buôn bán nước đá, bia, nước ngọt. Còn chị N vẫn ở thành phố để đi làm ở Bệnh viện y học Y được thành phố H.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không cho chị N đi làm, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cự cãi, tính tình không phù hợp, hôn nhân không thể hàn gắn, chị N và anh B ly thân nhau từ tháng 12/2023. Nay chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 08/01/2022. Quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày con sống với anh B, tại phiên tòa chị N trình bày đã rước con và hiện đang sống với gia đình của chị N. Chị N yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị N đồng ý cho anh Nguyễn Văn B được đến năm nom, chăm sóc, giáo dục, rước con chung về thăm gia đình bên nội.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh Bên thống nhất trình bày của chị N về thời gian hai người quen biết, tìm hiểu và tiến tới kết hôn, được UBND xã T, huyện T, Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2022.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh B khuyên chị N nghỉ công việc ở thành phố Hồ Chí Minh để về nhà nhưng chị N không đồng ý. Từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị N và anh B ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay. Anh B cảm thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm không còn, tính tình không phù hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, anh B xác định vẫn còn tình

cảm với chị N, nhưng chị N cương quyết xin ly hôn thì anh B đồng ý.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 08/01/2022, trong quá trình giải quyết vụ án anh B trình bày con sống với anh, tại phiên tòa anh B trình bày chị N rước con và hiện tại cháu T đang sống với gia đình của chị N.

Hiện căn nhà thuê anh B đang sống cùng mẹ ruột của anh B, anh B yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh B đồng ý cho chị Nguyễn Thị N được đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, rước con chung về thăm gia đình bên ngoại.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2024/HNGĐ-ST ngày 21/3/2024 của Tòa án huyện Châu Thành đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 08/01/2022 (tại phiên tòa các đương sự trình bày con đang sống với gia đình của chị N) cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn B trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn B trình bày là không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002148 ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành (chị N đã nộp xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 25/3/2024 bị đơn Nguyễn Văn B kháng cáo yêu cầu xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn Nguyễn Thị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với

anh B và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi dưỡng.

+ Bị đơn Nguyễn Văn B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về nội dung, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bị đơn Nguyễn Văn B kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy:

[1] Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau vào tháng 01/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn nên chị N yêu cầu được ly hôn và anh B đồng ý.

[2] Quá trình sống chung anh B và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 08/01/2022. Khi ly hôn Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho chị N được nuôi con chung, chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B không đồng ý và kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung.

Xét thấy, từ khi vợ chồng xảy ra bất hòa và sống ly thân (tháng 12/2023) cháu T do anh B nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 08/01/2022 tính đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử thì cháu T chưa đầy 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ. Tại thời điểm Tòa sơ thẩm xét xử vụ án thì anh B và chị N xác định cháu T đã sang sống với chị N. Thời gian chị N nuôi con, chị N vẫn tạo điều kiện để anh B được đến thăm nom, chăm sóc con chung thuận lợi.

[3] Tại phiên tòa, anh B cho rằng anh có đến thăm con, có yêu cầu được đưa con về bên gia đình bên N1 chơi nhưng bị gia đình chị N ngăn cản. Ngoài lời trình bày anh B không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc gia đình chị N ngăn cản việc anh B đến thăm nom và chăm sóc con chung.

[4] Xét thấy, nuôi con cần xem xét mọi mặt để con được phát triển toàn diện. Về điều kiện kinh tế, hiện anh B chưa có chỗ ở ổn định mà đang sống nhà thuê cùng với mẹ ruột tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; anh làm nghề buôn bán nước đá, bia, nước ngọt. Anh B cho rằng thu nhập của anh hằng tháng 12.000.000đồng từ việc buôn bán trên và cung cấp các hóa đơn mua hàng của cửa hàng “Cánh Thảo”, tuy nhiên các hóa đơn này không thể hiện thu nhập của anh B. Xét thấy anh

B làm nghề bán nước đá, bia, nước ngọt không chứng minh được lợi nhuận ổn định như thế nào và có mức thu nhập hàng tháng là bao nhiêu để đảm bảo điều kiện nuôi con và chăm sóc con tốt.

Đối với chị N, hiện làm việc tại Bệnh viện Đ được thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập lương 19.060.500đồng/ tháng, có sự hỗ trợ từ gia đình chăm sóc cháu. Từ tháng 01/2024 chị N nuôi con vẫn tạo điều kiện để anh B đến thăm nom và chăm sóc con chung.

Do vậy, để ổn định cuộc sống của cháu T, tạo điều kiện đảm bảo toàn diện cho cháu có cuộc sống tốt về vật chất và phát triển tốt về tinh thần nên tiếp tục giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Từ đó, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn B, giữ nguyên án sơ thẩm giao cháu T cho chị N được nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn B, giữ nguyên án sơ thẩm; đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn B;
- Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2024/HNGĐ-ST ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 08/01/2022 (hiện đang sống với chị N) cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có;

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002148 ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Châu Thành (chị N đã nộp xong).

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002274 ngày 25/3/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Châu Thành (anh B đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA Tỉnh;
- VKSNND Tỉnh;
- Tòa án h. Châu Thành;
- CC THADS h. Châu Thành;
- UBND xã Thanh Mỹ;
- Dương sự;
- Lưu hs vụ án (vh);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Vĩnh